

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN C  
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 98/2024/DS-ST  
Ngày: 20-9-2024  
V/v “tranh chấp hui”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LONG AN

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Ngô Hồng Điệp
- Ông Trương Thành Phương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Quốc Huy – Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An, Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 306/2024/TLST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2024 về “Tranh chấp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Lâm Thị Cẩm N, sinh năm: 1987;

Địa chỉ: ấp O, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

**- Bị đơn:**

1. Bà Trần Thị Ngọc T, sinh năm: 1977;

2. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm: 1976;

Cùng địa chỉ: ấp O, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 16/4/2024; các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lâm Thị Cẩm N trình bày: Bà N là hui viên, có tham gia các dây hui do vợ chồng bà Trần Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn T1 là chủ thảo hui, cụ thể như sau:

Dây hụi 2.000.00 đồng, khai ngày 30/5/2022 âm lịch, hụi gồm 22 phần, dự kiến mãn hụi vào ngày 30/3/2023 âm lịch, bà N tham gia 02 phần, đóng được 19 kỳ, trung bình mỗi kỳ đóng số tiền 1.500.000 đồng/phần, số tiền đã đóng là 57.000.000 đồng.

Dây hụi 2.000.00 đồng, khai ngày 05/02/2023 âm lịch, hụi gồm 24 phần, dự kiến mãn hụi vào ngày 05/12/2024 âm lịch, bà N tham gia 02 phần, đóng được 10 kỳ, trung bình mỗi kỳ đóng số tiền 1.500.000 đồng/phần, số tiền đã đóng là 30.000.000 đồng.

Dây hụi 2.000.00 đồng, khai ngày 05/02/2023 âm lịch, hụi gồm 24 phần, dự kiến mãn hụi vào ngày 05/12/2024 âm lịch, bà N tham gia 02 phần, đóng được 10 kỳ, trung bình mỗi kỳ đóng số tiền 1.500.000 đồng/phần, số tiền đã đóng là 30.000.000 đồng.

Dây hụi 2.000.00 đồng, khai ngày 20/5/2023 âm lịch, hụi gồm 24 phần, dự kiến mãn hụi vào ngày 30/4/2024 âm lịch, bà N tham gia hai phần, đóng được 06 kỳ, trung bình mỗi kỳ đóng số tiền 1.500.000 đồng/phần, số tiền đã đóng là 18.000.000 đồng.

Dây hụi 2.000.00 đồng, khai ngày 30/02/2023 âm lịch, hụi gồm 24 phần, dự kiến mãn hụi vào ngày 30/01/2024 âm lịch, bà N tham gia một phần, đóng được 09 kỳ, trung bình mỗi kỳ đóng số tiền 1.500.000 đồng/phần, số tiền đã đóng là 13.500.000 đồng.

Khoảng cuối tháng 11 năm 2023, bà T tuyên bố vỡ hụi. Tổng số tiền các dây hụi mà bà đã đóng cho bà T là 148.500.000 đồng.

Trong đơn khởi kiện bà N yêu cầu vợ chồng bà T và ông T1 phải liên đới trả cho bà N số tiền hụi còn nợ là 167.500.000 đồng, nay bà N khẳng định chỉ yêu cầu vợ chồng bà T phải liên đới trả cho bà số tiền đã đóng là 148.500.000 đồng.

*Tại biên bản ghi lời khai ngày 07/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện C, bị đơn bà Trần Thị Ngọc T trình bày:* Bà T thừa nhận bà N là hụi viên có tham gia các dây hụi do bà làm chủ thảo. Việc bà N tham gia các dây hụi và đóng được số tiền theo đúng như bà N trình bày. Tổng số tiền hụi bà T còn nợ là 148.500.000 đồng và bà Thanh đồng ý trả số tiền này cho bà N nhưng xin được trả dần vì hiện tại kinh tế đang khó khăn.

*Tại biên bản ghi lời khai ngày 07/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện C, bị đơn ông Nguyễn Văn T1 trình bày:* ông đồng ý liên đới cùng bà T trả cho bà N tiền nợ hụi 148.500.000 đồng nhưng xin được trả dần vì hiện tại kinh tế đang khó khăn.

*Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử và phòng nghị án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự

Về nội dung: căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 280, 288, 471 Bộ luật dân sự, Nghị quyết 326/2016 của UBTVQH14 ngày 30/12/2016 đề nghị giải quyết theo hướng chấp nhận toàn bộ phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

Buộc bà Trần Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn T1 phải liên đới trả cho bà Lâm Thị Cẩm N số tiền 148.500.000 đồng.

Về án phí: bị đơn chịu án phí theo quy định;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

[1.1] Nguyên đơn bà Lâm Thị Cẩm N khởi kiện đối với bị đơn bà Trần Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn T1 là vụ án “Tranh chấp hộ tịch”. Bị đơn vợ chồng bà Trần Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn T1 có nơi cư trú tại ấp Ông Rèn, xã L, huyện C, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

[1.2] Bị đơn bà Trần Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn T1 đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt vợ chồng bà Thanh.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào sự thừa nhận của bà Trần Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn T1 tại Biên bản ghi lời khai ngày 07 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, có căn cứ xác định bà N là hộ tịch viên tham gia các dây hộ tịch do bà T làm chủ thảo, sau khi vợ chồng bà T tuyên bố vỡ hộ tịch thì còn nợ lại bà N tiền hộ tịch là 148.500.000 đồng nên bà N khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà T và ông T có nghĩa vụ liên đới trả lại số tiền hộ tịch 148.500.000 đồng cho bà N là có căn cứ chấp nhận.

Về phương thức trả nợ: Việc vợ chồng bà Thanh yêu cầu được trả dần số tiền 148.500.000 đồng nhưng không được bà N đồng ý và pháp luật không có quy định cho trả dần nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của vợ chồng bà T.

[3] Từ những phân tích trên xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa phù hợp với nhân định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Án phí: Bà Trần Thị Ngọc T, ông Nguyễn Văn T1 phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho bà N.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 288; Điều 471 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 27; 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biêu, phường;

Căn cứ vào Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị Cẩm N về việc “Tranh chấp hui” đối với bị đơn bà Trần Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn T1.

Buộc bà Trần Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lâm Thị Cẩm N số tiền hui là 148.500.000 đồng (Một trăm bốn mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Bà Trần Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn T1 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.425.000 đồng.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Phương Trúc**